TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D K** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ An
Ông Võ Văn Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa: 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Thu B Sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn K T M, xã S T, huyện D K, Khánh Hòa.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Nh Sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn X Ph 2, xã S T, huyện D K, Khánh Hòa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Nh tự nguyện yêu thương kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã S T, D K. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, ông Nh không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, ông Nh có tính ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà và ông Nh không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Bà xác định không

còn tình cảm yêu thương với ông Nh nữa, nên yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Văn A - sinh ngày 10/7/2013. Hiện nay, con chung đang sống cùng với ông Nhân tại thôn X Ph 2, xã S T, huyện D K, Khánh Hòa. Bà B giao con chung cho ông Nguyễn Văn Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành vì hiện nay cháu A đang sinh sống với ông Nh, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thu B đối với ông Nguyễn Văn Nh. Về con chung: Nguyễn Văn A - sinh ngày 10/7/2013, hiện nay, cháu A đang sống cùng với ông Nh nên giao cháu A cho ông Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bà B đối với ông Nh. Bà B xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xét. Bà B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu B và ông Nguyễn Văn Nh tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S T, huyện D K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 vào ngày 11/12/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà B và ông Nh đều xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được; hiện tại, bà B không còn tình cảm với ông Nh; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Bà B và ông Nh không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nh đã được Tòa án triệu

tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông Nh có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà B và ông Nh có 01 con chung là Nguyễn Văn A - sinh ngày 10/7/2013. Theo yêu cầu của bà B, nguyện vọng của cháu A là muốn ở với ông Nh và theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S T thì hiện nay cháu A do ông Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng; do đó, cần giao con chung cho ông Nh chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà B không cấp dưỡng nuôi con, ông Nh không đến Tòa án để làm việc nên chưa có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng; vì vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà B đối với ông Nh.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thu B xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Nguyễn Văn Nh chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Thu B được ly hôn với ông Nguyễn Văn Nh.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Văn A - sinh ngày 10/7/2013 cho ông Nguyễn Văn Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà B đối với ông Nh.

Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà B, ông Nh có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000080 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa. Bà B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND xã S T (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 11/12/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa